

# Bảo đảm quyền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế ở Việt Nam

ĐỖ THỊ PHI HOÀI

## 1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về quyền kinh tế xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa

Quyền kinh tế là một trong những quyền cơ bản của con người, thuộc nhóm quyền kinh tế - xã hội và văn hóa. Quyền kinh tế được quy định trong hệ thống pháp luật quốc tế, nhất là trong Công ước về quyền kinh tế xã hội và văn hóa năm 1966. Quyền kinh tế bao gồm các quyền: quyền sở hữu, quyền tự do sản xuất và kinh tế, quyền có việc làm... Quyền kinh tế còn được quy định cụ thể trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, đặc biệt là trong Bộ luật Lao động năm 1994, Luật Doanh nghiệp năm 2000, v.v.

Đảng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới, xóa bỏ nền kinh tế tập trung, bao cấp, lựa chọn nền kinh tế hàng hóa, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghĩa là xóa bỏ chế độ kinh tế dựa trên duy nhất quan hệ sản xuất đơn chủ thể, xác lập quan hệ sản xuất đa chủ thể với 3 hình thức sở hữu cơ bản đối với tư liệu sản xuất, đó là sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Từ các hình thức sở hữu cơ bản đó, hình thành nên kinh tế nhiều thành phần bao gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Như vậy, chế độ sở hữu với 3 hình thức sở hữu cơ bản nêu trên đã đem lại một cơ hội mới cho việc bảo đảm quyền con người nói chung, quyền kinh tế nói riêng. Với 3 hình thức sở hữu như vậy, nếu ai có sức lao động, có tư liệu sản xuất, có tiền vốn, được giao ruộng đất... đều có thể tham gia hoạt động

kinh tế, nâng cao đời sống và làm giàu. Sự làm giàu đó được Nhà nước khuyến khích, được pháp luật bảo vệ.

Là thành viên của Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, cùng với sự đổi mới trong nhận thức về kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã có những nỗ lực trong việc cụ thể hóa nội dung của Công ước quyền kinh tế, xã hội, văn hóa vào quan điểm, chính sách, pháp luật của quốc gia, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội cũng như bối cảnh lịch sử, văn hóa riêng của mình trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm bảo đảm có hiệu quả nhất quyền kinh tế cho người dân. Đó là:

+ Tăng trưởng kinh tế là cơ sở cho việc bảo đảm các quyền con người nói chung, quyền kinh tế của người dân nói riêng.

+ Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.

+ Phát huy nội lực, kết hợp với tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài.

+ Kết hợp các nguồn lực từ Nhà nước và cộng đồng, Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong đó Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ thực hiện xã hội hóa các hoạt động xóa đói giảm nghèo.

Như vậy, việc thực hiện các hình thức sở hữu trong đường lối đổi mới của Đảng ta đã tạo điều kiện và cơ hội để người dân thực hiện các quyền kinh tế của mình một cách hiệu quả nhất, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, tạo những tiền đề cần thiết của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa.

---

Đỗ Thị Phi Hoài, TS, Học viện Tài chính.

**2. Toàn cầu hóa kinh tế - thời cơ mới cho việc bảo đảm các quyền kinh tế ở Việt Nam**

Chúng ta biết rằng, toàn cầu hóa kinh tế có tác động to lớn đến nền kinh tế thế giới, tạo ra những cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và thực hiện các quyền con người trên lĩnh vực kinh tế. Là thành viên của Liên hiệp quốc, trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cũng không nằm ngoài sự tác động này. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế là điều kiện cần thiết để nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và phát triển kinh tế, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện và bảo đảm các quyền con người, trong đó có các quyền kinh tế. Toàn cầu hóa kinh tế là cơ hội để chúng ta mở rộng giao lưu, tiếp thu công nghệ và kỹ thuật của các nước tiên tiến trên thế giới, xây dựng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong nước và nước ngoài, từng bước xây dựng và phát triển kinh tế, bảo đảm quyền kinh tế cho người dân. Toàn cầu hóa tạo cơ sở cho chúng ta thực hiện các quyền kinh tế, thể hiện ở một số quyền sau:

*Thứ nhất: bảo đảm quyền sở hữu của công dân.*

Quyền sở hữu là một quyền cơ bản của con người nằm trong nhóm quyền kinh tế. Quyền sở hữu bao gồm: quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền sở hữu về tiêu dùng và quyền sở hữu về của cải thừa kế... và ở mỗi xã hội khác nhau, quan niệm về vấn đề sở hữu cũng khác nhau.

Quyền sở hữu của công dân được pháp luật Việt Nam quy định ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên. Quyền sở hữu của công dân tiếp tục được sửa đổi, bổ sung ở Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992 phù hợp với điều kiện của đất nước trong tình hình mới; đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế. Trên cơ sở định hướng về quyền sở hữu được ghi nhận trong Cương lĩnh của Đảng năm 1991, Nhà nước ta đã thông qua bản Hiến pháp 1992, trong đó ghi nhận mới nhiều quyền cơ bản của con người trên lĩnh vực

kinh tế. Đặc biệt, Hiến pháp 1992 quy định: Nhà nước phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức sản xuất, kinh doanh đa dạng, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng; vốn và tài sản hợp pháp của các cơ sở sản xuất - kinh doanh được Nhà nước bảo hộ. Công dân có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu, vốn và tài sản khác trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; đối với đất đai, được Nhà nước giao quyền sử dụng thì được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp về quyền thừa kế của công dân (điều 17, 18).

Như vậy, sự phát triển của quyền con người nói chung, quyền kinh tế nói riêng ở nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa gắn liền với nhận thức mới của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Việc thừa nhận những giá trị chung của nhân loại về quyền con người, trong đó có quyền kinh tế nói riêng đã tạo cho chúng ta thế và lực để chủ động hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới. Những tư duy kinh tế phù hợp với các quyền con người trên lĩnh vực kinh tế đã tạo ra những bước chuyển biến tích cực, đem lại những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của quá trình toàn cầu hóa.

*Thứ hai: bảo đảm quyền con người trên lĩnh vực lao động, việc làm.*

Quyền lao động bao gồm quyền có việc làm và quyền tự do lựa chọn việc làm. Đây là một trong những quyền cơ bản của con người, do đó, việc bảo đảm quyền lao động cho công dân là một trong những tiêu chí đánh giá sự tiến bộ của chế độ xã hội.

Ở Việt Nam, quyền được có việc làm được Nhà nước ta ghi nhận trong Hiến pháp 1959

(điều 30) và tiếp tục được khẳng định tại điều 58 của Hiến pháp 1980. Trong Hiến pháp 1980, bên cạnh việc khẳng định quyền được lao động, Hiến pháp còn nhấn mạnh đến nghĩa vụ của mỗi công dân, đó là "Người có sức lao động phải lao động theo quy định của pháp luật". Từ việc quy định quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, Hiến pháp 1980 quy định về trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo cho nhân dân thực hiện quyền có việc làm của mình "Nhà nước phải dựa vào kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa mà tạo thêm việc làm, sắp xếp công việc căn cứ vào năng lực, nguyện vọng cá nhân và yêu cầu của xã hội" (điều 58).

Quyền lao động tiếp tục được bổ sung ngày càng cụ thể hơn trong Hiến pháp 1992, Hiến pháp của thời kỳ đổi mới và toàn cầu hóa. Điều 55, Hiến pháp 1992 quy định: "Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động".

Bên cạnh Luật Lao động, nhằm bảo đảm tốt hơn quyền lao động của công dân trong bối cảnh toàn cầu hóa, Nhà nước ta còn ban hành nhiều luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Thương mại, Pháp lệnh hành nghề y dược... Ngoài ra, để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho quyền được lao động của người dân, Nhà nước ta còn đề ra hàng loạt các chương trình kinh tế xã hội to lớn, đồng bộ với nhiều hoạt động như: Chương trình quốc gia về giải quyết việc làm với những hoạt động: thực hiện quỹ quốc gia tạo việc làm; thành lập các ngân hàng người nghèo; giao quyền sử dụng ruộng đất để khuyến khích trồng rừng, chương trình hỗ trợ đánh bắt xa bờ...

Ngoài các chương trình kinh tế, xã hội của Nhà nước nhằm bảo đảm quyền lao động cho công dân, một cơ hội không nhỏ nhằm tạo việc làm cho người lao động đó là những tác động tích cực của quá trình toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới. Với lợi thế là một quốc gia có nguồn nhân lực lao động dồi dào, tình hình kinh tế -

chính trị ổn định, cùng với một hệ thống các chủ trương, chính sách thông thoáng, thu hút đầu tư, Việt Nam đã thu hút được sự đầu tư của nhiều doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài. Các công ty xuyên quốc gia, các công ty liên doanh xuất hiện ngày càng nhiều ở Việt Nam, giải quyết việc làm cho hàng triệu người lao động, giúp người lao động có thu nhập ổn định cuộc sống cho bản thân và đóng góp công sức cho sự phát triển kinh tế đất nước.

*Thứ ba: bảo đảm quyền tự do sản xuất và kinh doanh.*

Quyền tự do sản xuất và kinh doanh là một nội dung quan trọng của quyền kinh tế. Quyền tự do sản xuất và kinh doanh được Nhà nước Việt Nam ghi nhận qua các Hiến pháp 1959, 1980, đặc biệt là Hiến pháp 1992 điều 57, Hiến pháp 1992 quy định: "Công dân có quyền tự do kinh doanh theo pháp luật". Có thể khẳng định rằng, so với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp 1992 - Hiến pháp của sự đổi mới đã có một bước chuyển biến căn bản trong nhận thức và tư duy kinh tế của Đảng và Nhà nước ta về chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa đa thành phần, đa sở hữu và bảo đảm quyền tự do sản xuất, kinh doanh của công dân, biểu hiện tập trung của quyền kinh tế.

Nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền sản xuất, kinh doanh của mình, Nhà nước ta đã tiến hành sửa đổi Luật Đất đai (luật này được ban hành năm 1987, được sửa đổi và bổ sung vào các năm 1993, 1998, 2001 và 2003). Theo Luật Đất đai năm 2003, thời hạn giao đất, thuê đất sử dụng ổn định lâu dài để phục vụ sản xuất kinh doanh từ 20 đến 70 năm (điều 20). Theo đó "hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất" (điều 3). Bên cạnh đó, pháp luật cũng thừa nhận doanh nghiệp có quyền "chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động

mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh"; có quyền "chuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu của kinh doanh" (điều 7). Đây là bước phát triển mới trong quan hệ kinh tế cũng như về quyền tự do sản xuất, kinh doanh của công dân bởi vì trước đó, cả quy mô đầu tư, hình thức đầu tư và việc thuê lao động đều bị giới hạn chặt chẽ. Không chỉ dừng lại ở đó, Nhà nước ta còn chủ động tạo ra một cơ chế thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh như thừa nhận doanh nghiệp có quyền "chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng" (điều 2, Luật Doanh nghiệp). Và nếu như trước đây, công dân phải "xin phép" được đăng ký kinh doanh thì nay công dân chỉ cần "đăng ký" kinh doanh. Đây chính là sự đổi mới, một bước tiến quan trọng trong tư duy về quyền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, đó là mọi công dân được quyền tự do sản xuất kinh doanh chứ không phải là sự ban phát của Nhà nước và khi đã xác định là "quyền" thì Nhà nước phải tạo mọi điều kiện tốt nhất để có thể bảo đảm quyền này cho người dân.

Có thể khẳng định rằng, Hiến pháp và pháp luật Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đã ghi nhận rõ ràng, đầy đủ quyền tự do sản xuất, kinh doanh của công dân. Sự đúng đắn của chính sách, sự minh bạch của pháp luật là yếu tố quan trọng khơi dậy những tiềm năng sáng tạo vô tận của con người và những nguồn lực to lớn trong xã hội, tạo ra những bước phát triển to lớn trong đời sống kinh tế, xã hội của đất nước.

Như vậy, những chính sách mới trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đã tạo ra bước đột phá cũng như những dấu mốc quan trọng trong việc bảo đảm quyền kinh tế của công dân. Những thuận lợi do toàn cầu hóa kinh tế đem lại đã tạo cho chúng ta một cơ chế thông thoáng, phù hợp, phát huy được tối đa năng lực và sức sáng tạo của công dân trong việc làm giàu cho bản thân và làm giàu cho

xã hội, tạo tiền đề vững chắc hưởng thụ ngày càng tốt hơn các quyền kinh tế của mình. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực của toàn cầu hóa đối với sự phát triển kinh tế và bảo đảm quyền kinh tế, toàn cầu hóa kinh tế cũng đem lại nhiều thách thức đối với việc phát triển kinh tế cũng như thực hiện các quyền kinh tế ở nước ta, đòi hỏi chúng ta phải có biện pháp khắc phục.

### 3. Toàn cầu hóa kinh tế - thách thức mới trong việc bảo đảm quyền kinh tế xã hội ở Việt Nam

Những thách thức của toàn cầu hóa trong việc bảo đảm quyền con người ở nước ta được thể hiện mở một số lĩnh vực sau:

#### - Về quyền lao động:

Cũng giống như tất cả các nước đang tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, Việt Nam đang phải chịu nhiều tác động của quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Bên cạnh những mặt tích cực của toàn cầu hóa là tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động, thì toàn cầu hóa cũng khép lại cơ hội để việc làm mới đối với thị trường lao động thủ công, nhất là lao động nữ. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ thất nghiệp hiện nay của Việt Nam vẫn ở mức còn cao (năm 2000 là 6,4%). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng nhất là trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động nước ta còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của xu thế hội nhập. Theo số liệu cuộc tổng điều tra dân số ngày 1/4/1989, có tới 90,9% số dân trong độ tuổi lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, 4% là công nhân kỹ thuật, 1,3% có trình độ đại học. Đến năm 1997, số lao động không có trình độ chuyên môn giảm còn 87,81%; đồng thời, số lao động có trình độ chuyên môn tăng lên: năm 1998 là 12,19%; năm 1999, cả nước có 13,87% số lao động có trình độ chuyên môn và năm 2000 là 20%. Với số lao động có trình độ chuyên môn ít như vậy, trước sự cạnh tranh khốc liệt của cơ chế thị trường và toàn cầu

hóa thì tình trạng thất nghiệp đối với những lao động không có trình độ chuyên môn là điều không thể tránh khỏi. Điều này đang là cản trở lớn đối với việc bảo đảm quyền kinh tế của công dân.

- Về quyền tự do sản xuất kinh doanh:

Toàn cầu hóa kinh tế đã tạo ra những bước phát triển mới cho việc thực hiện quyền tự do sản xuất kinh doanh của người dân Việt Nam. Tuy nhiên, toàn cầu hóa kinh tế cũng tạo ra nhiều thách thức trong việc bảo đảm quyền tự do sản xuất kinh doanh của công dân. Đó là:

+ Sức cạnh tranh của nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều hạn chế. Hiện nay, Việt Nam vẫn là nước được đánh giá có khả năng cạnh tranh thấp. Theo xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới thì năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam đang đứng ở mức thấp và chậm được cải thiện. Năm 1999, chúng ta đứng hàng thứ 48/59; năm 2000 là 53/59; năm 2001 là 62/75 và năm 2002 là 60/80.

Sức mua và năng lực tích lũy tái đầu tư, mở rộng sản xuất của nước ta còn nhiều hạn chế, trình độ chuyên môn kỹ thuật còn thấp. Chi phí đầu vào cao, theo ước tính có tới 50% chi phí vật chất trong sản xuất công nghiệp phải nhập khẩu với giá cao. Nếu so với năm 1996 thì năm 2001, giá cước vận chuyển tăng 42,2%; điện tăng 37,5%, chi phí vận chuyển cộng thêm các khoản tiêu cực phí làm cho chi phí đầu vào của hàng công nghệ Việt Nam cao hơn mức trung bình của các nước ASEAN. Chẳng hạn, giá điện Việt Nam hiện bán cho các nhà đầu tư là 7 cent/KWh, trong khi đó, Jakarta là 3 cent, Bangkok và Manila là 3,9 cent. Kuala Lumpur là 5 cent..., đặc biệt, chi phí vận chuyển một tải Container 40 feet đến cảng Yokohama từ Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.500 USD, cao hơn các nước trong khu vực (từ Kuala Lumpur và Jakarta là 659 USD, Bangkok là 1.390 USD...). Những thách thức trên đã làm hạn chế sự đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt

Nam, dẫn đến hạn chế việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các tổ chức và cá nhân ở Việt Nam.

+ Hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô và pháp luật còn nhiều bất cập, tác động tiêu cực đến việc thực hiện quyền tự do sản xuất, kinh doanh của người dân.

Để hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam phải xây dựng hệ thống chính sách kinh tế, thương mại đồng bộ, phù hợp với các nguyên tắc của các tổ chức, diễn đàn kinh tế khu vực và thế giới. Xét về mặt khách quan, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng hệ thống chính sách kinh tế, thương mại và đầu tư của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, nhiều quy định không rõ ràng, thiếu nhất quán, nhất là chính sách thuế quan và phi thuế quan. Nhiều biện pháp, chính sách tạo lợi thế cho kinh tế thương mại mà các tổ chức quốc tế thừa nhận lại chưa được áp dụng ở Việt Nam như: chế độ hạn ngạch thuế quan, biện pháp cân bằng cán cân thanh toán, quyền tự vệ, chống phá giá...

Hệ thống pháp luật, chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa tạo ra một "sân chơi bình đẳng" giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, không chỉ đối với những vấn đề liên quan đến việc thành lập tổ chức và hoạt động của dự án đầu tư cũng như hoạt động của các doanh nghiệp, mà còn cả những vấn đề liên quan đến điều kiện đầu tư như chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư... Điều này đã làm hạn chế sự đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam, gây trở ngại cho quyền tự do sản xuất kinh doanh của công dân Việt Nam.

Về phía chủ quan: trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, một số doanh nghiệp nhà nước ở nước ta vẫn chưa nhận thức được đầy đủ sự cần thiết, tích cực, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, còn có tư tưởng dựa vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp tư nhân chưa thực hiện nghiêm pháp luật, vẫn còn hiện tượng thực hiện các hành

vi trốn lậu thuế, nhất là mua bán hóa đơn chứng từ (mua VAT), hối lộ, đút lót cán bộ nhà nước và chưa đảm bảo được lợi ích của người lao động trong doanh nghiệp của mình... Tất cả những tồn tại đó đã gây tác động không nhỏ trong việc bảo đảm quyền kinh tế của công dân.

#### **4. Một số giải pháp nhằm bảo đảm tốt hơn quyền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế ở nước ta**

Từ sự phân tích về những tác động tích cực, tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trên đây, chúng tôi xin đưa ra một số gợi ý, khuyến nghị nhằm góp phần bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền con người trên lĩnh vực kinh tế ở nước ta. Cụ thể là:

*Một là:* xây dựng một chiến lược tham gia toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới trong thế gắn bó hữu cơ giữa trong nước và kinh tế đối ngoại, trong đó kinh tế trong nước là nền tảng, kinh tế đối ngoại là cơ sở và động lực thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển. Khi tham gia xây dựng chiến lược này phải chú trọng tới việc mở cửa, hội nhập, tạo điều kiện cho sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam, làm tiền đề vững chắc cho sự phát triển kinh tế, bảo đảm quyền tự do sản xuất kinh doanh cũng như các quyền kinh tế khác của người dân.

*Hai là:* tiếp tục đổi mới các thể chế kinh tế theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trước hết trong các lĩnh vực đầu tư, thương mại, tài chính, ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi và môi trường đầu tư cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh được tốt hơn.

*Ba là:* xây dựng và phát triển các tổ chức, các cơ sở kinh doanh có khả năng tham gia hội nhập toàn cầu hóa kinh tế một cách có hiệu quả. Để làm tốt điều này, cần đặc biệt quan tâm:

+ Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước vươn lên giữ vai trò chủ đạo trong

nền kinh tế quốc dân, các tập đoàn kinh tế mạnh của Nhà nước là một trong những lực lượng chủ yếu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Đưa các doanh nghiệp lớn, nhỏ thuộc thành phần kinh tế khác tham gia các hoạt động kinh tế đối ngoại.

+ Trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp Việt Nam phải đoàn kết cùng nhau bảo vệ lợi ích của mình và lợi ích quốc gia, không để cho các công ty nước ngoài lợi dụng sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nước. Có như vậy, các doanh nghiệp Việt Nam mới chủ động được trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, bảo đảm được quyền và lợi ích của doanh nghiệp mình.

*Bốn là:* xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế để có thể khai thông quan hệ nước ta với các nước trong khu vực và quốc tế. Cung cấp những thông tin, những kiến thức cập nhật và xác thực về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Năm là:* đổi mới, đào tạo nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực Việt Nam tuy có một số ưu điểm, nhưng vẫn còn có không ít hạn chế, mà nổi bật nhất là chưa phù hợp với thị trường lao động quốc tế và yêu cầu của thế hội nhập và toàn cầu hóa. Thị trường lao động Việt Nam tuy đã được hình thành nhưng hiện vẫn đang còn nhiều vấn đề phải được nghiên cứu và giải quyết như: tỷ lệ thu nhập giữa tiền lương và ngoài lương chưa hợp lý, làm cho nhiều người chạy theo thu nhập ngoài lương; cơ cấu đào tạo và cơ cấu nhu cầu của thị trường chưa phù hợp, thị trường cần nhiều lao động kỹ thuật nhưng các ngành không đáp ứng đủ. Với những nhược điểm trên đây, nguồn lực Việt Nam tham gia hội nhập quốc tế sẽ kém hiệu quả, làm hạn chế việc hưởng thụ các quyền kinh tế của người dân.

*Sáu là:* tiếp tục hoàn thiện và sửa đổi các văn bản pháp luật cho phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp

trước pháp luật, nâng cao hiệu quả của pháp luật bằng cách tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc sử dụng lao động, bảo đảm danh dự, nhân phẩm của người lao động ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, với một số giải pháp nêu trên, chúng tôi hy vọng sẽ đóng góp được nhiều hơn trong việc bảo đảm quyền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa của Việt Nam, giúp chúng ta chủ động và vững bước trên con đường hội nhập kinh tế thế giới, xây dựng nước Việt Nam ngày càng văn minh, giàu đẹp, thực hiện tốt các mục tiêu là bảo đảm một cách tốt

nhất các quyền con người nói chung, quyền kinh tế nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Các Nghị quyết trung ương Đảng từ năm 1996-1999. Nxb Chính trị quốc gia, 2000.
2. Một số vấn đề về toàn cầu hóa. Tài liệu tập huấn tháng 8-2000, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Mác- Ăngghen. Toàn tập, T. 19. Nxb Chính trị quốc gia, 1995.
4. "Toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đến các mặt chính trị, văn hóa, xã hội, đặc biệt đối với các nước đang phát triển, sự hội nhập quốc tế của Việt Nam". Đề tài khoa học cấp bộ do Giáo sư Nguyễn Đức Bình làm chủ nhiệm, 2003.